

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/DS-ST

Ngày: 09-11-2021

*“V/v Tranh chấp yêu cầu thực  
hiện nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

**- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Như Quang  
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến T1; cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H và bà Thiệu Thị G; địa chỉ: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Tiến T2; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu T3; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn là bà Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến T1 trình bày: Ngày 30-12-2017 ông Nguyễn Đình H và bà Thiệu Thị G có ký giấy nhận nợ với ông Nguyễn T2 thể hiện ông H và bà G nợ của ông T số tiền là 306.253.000 đồng và nhận nợ thay cho ông Thiệu Văn Được và bà Lê Thị T1 số tiền là 44.508.000 đồng. Tổng cộng là 350.761.000 đồng. Ông H và bà G hẹn đến ngày 30-02-2018 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T toàn bộ số tiền nợ nói trên.

Ngày 28-10-2019, ông Nguyễn T chết không để lại di chúc. Bà Hoàng Thị N là vợ, anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 là con của

ông Nguyễn T và là những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn T toàn bộ khoản nợ trên. Đến nay ông H và bà G vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ như đã thỏa thuận. Anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 đều từ chối nhận di sản của ông T là khoản tiền nợ nói trên và đồng ý giao phần di sản mình được nhận cho bà Hoàng Thị N. Do vậy, bà N và anh T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình H và bà Thiệu Thị G phải trả cho bà N toàn bộ số tiền nợ là 350.761.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính từ ngày 01-3-2018 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 10%/năm.

Ông Thiệu Văn Đ và bà Lê Thị T1 trước đây sống tại thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, sau khi bà G và ông H nhận trả nợ thay thì ông Đ và bà T1 bỏ đi khỏi địa phương, bà N và anh T1 không biết hiện nay ông Đ và bà T1 sống ở đâu.

Đối với giấy nhận nợ ngày 30-12-2017 thể hiện số tiền nợ là 306.253.000 đồng phần người thừa kế, vợ hoặc chồng, con thì cháu Nguyễn Thị D là con của ông H và bà G có viết “Tôi cam đoan đến 30-02-2018 sẽ trả đủ 306.253.000 đồng” và ký ghi rõ họ tên; tại giấy nhận nợ ngày 30-12-2017 thể hiện số tiền nợ 44.508.000 đồng cháu D cũng ghi “Người viết: D, Nguyễn Thị D”. Khi ông H và bà G nhận nợ có nói cháu D viết giấy giúp cho bà G và ông H, không liên quan đến cháu D.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Đình H và bà Thiệu Thị G đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Nguyễn Đình H và bà Thiệu Thị G.

3. Anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 đều trình bày: Anh T2 và chị T3 đã nhận được các thông báo của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đến nay anh T2 và chị T3 đã hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan đến thừa kế. Cụ thể, ngày 30-12-2017 ông H và bà G có ký giấy nhận nợ với ông Nguyễn T là cha của anh T2 và chị T3 với tổng số tiền nợ là 350.761.000 đồng và hẹn đến ngày 30-02-2018 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ nói trên. Ngày 28-10-2019, ông T bị bệnh chết không để lại di chúc. Gia đình anh T2 và chị T3 gồm có mẹ là bà Hoàng Thị N, Nguyễn Tiến T2, Nguyễn Tiến T1, Nguyễn Thị Thu T3 là con và là những người thừa kế theo pháp luật toàn bộ khoản nợ trên. Theo quy định của pháp luật, anh T2 và chị T3 là người thừa kế được chia  $\frac{1}{4}$  di sản do ông T để lại là khoản tiền mà ông H và bà G còn nợ chưa trả. Nay anh T2 và chị T3 từ chối nhận di sản và đồng ý giao lại toàn bộ phần di sản mà lẽ ra anh T2 và chị T3 được hưởng cho bà Hoàng Thị N. Việc từ chối nhận di sản của anh T2 và chị T3 là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác và cũng đã thông báo cho các đồng thừa kế khác được biết. Vì các lý do trên, anh T2 và chị T3 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Đình H và bà Thiệu Thị G phải trả cho bà Hoàng Thị N tổng số tiền nợ là 350.761.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy nhận nợ ghi ngày 30-12-2017; 01 trích lục khai tử của ông Nguyễn T2 T; 01 đơn đề nghị ngày 22-10-2021; 01 đơn đề nghị ngày 28-10-2021;

01 bản tự khai không đề ngày; 01 bản khai lý lịch của ông Nguyễn T2 T; 01 biên bản xác minh ngày 21-7-2021 và 01 biên bản xác minh ngày 30-8-2021.

5. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G phải thanh toán cho nguyên đơn là bà Hoàng Thị N tổng số tiền nợ gốc là 350.761.000 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 01-3-2018 đến nay và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà bà Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến T1 cung cấp là 02 “Giấy nhận nợ” đều đề ngày 30-12-2017 nội dung thể hiện, ngày 30-12-2017 ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G có ký giấy nhận nợ với ông Nguyễn T2 T số tiền là 306.253.000 đồng và nhận nợ thay cho ông Thiều Văn Đ và bà Lê Thị T1 số tiền là 44.508.000 đồng. Tổng cộng là 350.761.000 đồng. Thời hạn trả nợ là ngày 30-02-2018. Về lãi suất chỉ thể hiện lãi suất theo sự thỏa thuận của hai bên. Bị đơn là ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì phản đối nội dung các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp và lời khai của phía nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để khẳng định việc ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G nợ ông Nguyễn T2 tổng số tiền là 350.761.000 đồng là có thật.

[3] Về việc trả nợ: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 30-02-2018, như vậy khoản nợ nói trên đã quá thời hạn. Bị đơn là ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G không cung cấp chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ. Ngày 28-10-2019, ông Nguyễn T2 T chết không để lại di chúc. Bà Hoàng Thị N là vợ, anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 là con của ông Nguyễn T2 T và là những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn T2 T.

khoản nợ trên. Anh Nguyễn Tiến T1, anh Nguyễn Tiến T2 và chị Nguyễn Thị Thu T3 đều từ chối nhận di sản của ông T là khoản tiền nợ nói trên và đồng ý giao phần di sản mình được nhận cho bà Hoàng Thị N. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và anh T1, buộc ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G phải trả cho bà N toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.761.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 30-02-2018 (do tháng 02 chỉ có đến ngày 28 nên xác định thời hạn là ngày 28-02-2018), ngày quá hạn tính từ ngày tiếp theo là ngày 01-3-2018. Như vậy, tiền lãi được tính kể từ ngày 01-3-2018 đến ngày xét xử 09-11-2021 là 03 năm 08 tháng và 09 ngày. Tiền lãi được tính như sau  $350.761.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm} + 350.761.000 \text{ đồng} \times 0,8333\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} + 350.761.000 \text{ đồng} \times 0,0278\%/\text{ngày} \times 09 \text{ ngày} = 129.489.035 \text{ đồng}$ .

[5] Về số tiền phải trả: Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G phải trả cho bà Hoàng Thị N tính đến ngày 09-11-2021 là 350.761.000 đồng + 129.489.035 đồng = 480.250.035 đồng.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 611, Điều 612, Điều 620, Điều 650, Điều, Điều 651 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến T1.

Buộc ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G phải trả liền đới cho bà Hoàng Thị N toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 09-11-2021 là 480.250.035 đồng (bốn trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 350.761.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) và tiền nợ lãi là 129.489.035 đồng (một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Nguyễn Đình H và bà Thiều Thị G phải liền đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.210.001 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm mười nghìn không trăm không một đồng); Bà Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.681.000 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi

một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011898 ngày 31-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**